

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tiền thân là Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - tại Hòa Bình thuộc Tổng công ty Sông Đà, năm 2004 được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BXD ngày 11 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Năm 2009, Công ty hợp nhất với Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Thi, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400232452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Sơn Bình - Huyện Tam Đường - Tỉnh Lai Châu.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Văn Bút	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Hữu Doanh	Thành viên
Ông	Phạm Văn Toàn	Thành viên

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông	Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
-----	---------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Ngô Quốc Thế	Trưởng ban
Ông	Lê Danh Độ	Thành viên
Ông	Nguyễn Cao Sơn	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp

017  
CÔ  
HN  
GT  
A  
KI

**Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02**

Địa chỉ: Xã Sơn Bình - Huyện Tam Đường - Tỉnh Lai Châu

- Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**Phạm Văn Toàn**

Lai Châu, ngày 23 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ**

Tại Báo cáo kiểm toán số 280319.002/BCTC.KT5 ngày 28 tháng 03 năm 2019 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán liên quan đến dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên và dự phòng nợ phải thu khó đòi vào Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Liên. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau:

- Công ty thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (đã tạm ngừng hoạt động từ trước năm 2018) với số tiền là 1,598 tỷ đồng theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tổn thất có thể xảy ra và hạch toán toàn bộ vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2018 và các năm

trước đó. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

- Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang theo dõi công nợ phải thu khách hàng với Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2) liên quan đến việc thi công công trình thủy điện Sứ Pán 2 chưa được quyết toán với số tiền là 16,255 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập đủ thông tin cần thiết để xác định được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019 (xem tại thuyết minh số 4 và số 7).

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa ghi nhận doanh thu bán điện thương phẩm tháng 12/2019 là 1.326.617.560 đồng và giá vốn tương ứng là 60.943.680 đồng. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2019 phản ánh thiếu số tiền là 1.265.673.880 đồng; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" phản ánh thiếu số tiền lần lượt là 1.326.617.560 đồng và 60.943.680 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa đánh giá trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với công nợ phải thu ông Đinh Văn Tuệ và ông Nguyễn Như Sùng với số tiền lần lượt là 151.450.000 đồng và 796.693.509 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm về vấn đề này hay không.

Trong năm, Công ty phân bổ thiếu giá trị lợi thế thương mại vào chi phí sản xuất kinh doanh số tiền 1.900.000.000 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) và chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" (Mã số 261) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2019 phản ánh thừa số tiền là 1.900.000.000 VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" phản ánh thiếu số tiền 1.900.000.000 VND (xem tại thuyết minh số 9).

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục liên quan đến Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận tăng nguyên giá tài sản và trích khấu hao tương ứng. Công ty hiện tập hợp những chi phí đã nghiệm thu, quyết toán với nhà thầu trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 34.277.966.029 VND, phần còn lại đã hoàn thành nghiệm thu đi vào sử dụng nhưng chưa quyết toán với nhà thầu và chưa được ghi nhận trên sổ kế toán số tiền là 4.599.590.639 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (Mã số 221), chỉ tiêu "Hao mòn lũy kế Tài sản cố định" (Mã số 223) và chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 319) đang phản ánh thiếu số tiền lần lượt là 38.877.446.668 VND, 1.661.248.616 VND và 4.599.590.639 VND, chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (Mã số 242) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2019 phản ánh thừa số tiền lần lượt là 34.277.966.029 VND và 1.661.248.616 VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" phản ánh thiếu số tiền 1.661.248.616 VND (xem tại thuyết minh số 10 và số 11).

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và 11 của Báo cáo tài chính kèm theo, trong năm 2018, Công ty đã tạm tăng Tài sản cố định Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi 2 với số tiền 242,4 tỷ đồng dựa trên cơ sở chi phí tập hợp đã có hồ sơ nghiệm thu thanh toán với nhà thầu. Đến thời điểm hiện tại, công trình này vẫn chưa lập xong

báo cáo quyết toán vốn đầu tư trình phê duyệt cho cấp có thẩm quyền, do đó giá trị các hạng mục tài sản cố định ghi tăng này và các khoản mục khác có liên quan có thể thay đổi và được điều chỉnh sau khi có kết quả được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Tại thời điểm 31/12/2019, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 23,36 tỷ đồng; lỗ lũy kế đến 31/12/2019 là 17,67 tỷ đồng, tương ứng 14,7% vốn góp của chủ sở hữu. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Đỗ Thị Ngọc Dung**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Duy Quảng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 3363-2020-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>25.625.894.288</b>	<b>51.263.838.458</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.678.344.129	781.161.157
111	1. Tiền		1.678.344.129	781.161.157
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.406.227.424	49.878.571.819
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	16.542.341.069	24.493.557.825
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.437.010.640	24.033.498.949
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.426.875.715	1.351.515.045
140	III. Hàng tồn kho	8	387.982.078	361.291.284
141	1. Hàng tồn kho		387.982.078	361.291.284
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.153.340.657	242.814.198
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.153.340.657	242.814.198
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>265.724.360.448</b>	<b>250.688.486.400</b>
220	I. Tài sản cố định		225.271.373.867	237.191.925.503
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	225.271.373.867	237.191.925.503
222	- Nguyên giá		242.932.221.788	242.932.221.788
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.660.847.921)	(5.740.296.285)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		38.467.690.314	10.562.263.542
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	38.467.690.314	10.562.263.542
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12	1.598.000.000	1.598.000.000
254	3: Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.598.000.000)	(1.598.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.985.296.267	2.934.297.355
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.985.296.267	2.934.297.355
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>291.350.254.736</b>	<b>301.952.324.858</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>187.503.564.198</b>	<b>189.691.768.458</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>48.986.431.950</b>	<b>36.329.636.210</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	10.935.597.212	8.045.829.559
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.653.203.603	714.317.593
314	3. Phải trả người lao động		582.326.401	1.038.413.685
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.316.148.344	2.996.072.404
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.339.861.810	3.380.708.389
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	28.985.000.000	19.980.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		174.294.580	174.294.580
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>138.517.132.248</b>	<b>153.362.132.248</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	138.517.132.248	153.362.132.248
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>103.846.690.538</b>	<b>112.260.556.400</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>103.846.690.538</b>	<b>112.260.556.400</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(130.000.000)	(130.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.649.085.439	1.649.085.439
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17.672.394.901)	(9.258.529.039)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(9.258.529.039)	(6.779.115.053)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(8.413.865.862)	(2.479.413.986)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>291.350.254.736</b>	<b>301.952.324.858</b>



Lê Văn Cường  
Người lập biểu



Phạm Văn Phong  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 23 tháng 03 năm 2020


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	32.735.668.710	16.306.708.074
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.735.668.710	16.306.708.074
11	3. Giá vốn hàng bán	21	19.859.605.181	8.461.068.224
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.876.063.529	7.845.639.850
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính		31.529.396	1.129.053
22	6. Chi phí tài chính	22	18.436.580.730	9.300.140.889
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		18.436.580.730	7.634.271.584
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.820.504.406	1.610.017.248
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.349.492.211)	(3.063.389.234)
31	9. Thu nhập khác		-	813.171.084
32	10. Chi phí khác	24	64.373.651	229.195.836
40	11. Lợi nhuận khác		(64.373.651)	583.975.248
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.413.865.862)	(2.479.413.986)
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(8.413.865.862)</u>	<u>(2.479.413.986)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(701)	(207)

  
Lê Văn Cường  
Người lập biểu

  
Phạm Văn Phong  
Kế toán trưởng

  
Phạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 23 tháng 03 năm 2020



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(8.413.865.862)	(2.479.413.986)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		30.341.190.490	14.543.443.380
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		11.920.551.636	5.312.300.849
03	- Các khoản dự phòng		-	1.598.000.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.941.876)	(1.129.053)
06	- Chi phí lãi vay		18.436.580.730	7.634.271.584
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.927.324.628	12.064.029.394
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.846.049.465	(11.216.383.876)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(26.690.794)	1.613.835.046
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(46.772.194)	8.968.457.932
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		949.001.088	969.033.497
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.692.348.230)	(7.413.281.584)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.956.563.963	4.985.690.409
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(5.235.322.867)	(84.486.043.609)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.941.876	1.129.053
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.219.380.991)	(84.484.914.556)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		8.400.000.000	78.982.631.793
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14.240.000.000)	(3.455.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.840.000.000)	75.527.631.793
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		897.182.972	(3.971.592.354)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		781.161.157	4.752.753.511
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.678.344.129	781.161.157

Lê Văn Cường  
Người lập biểu

Phạm Văn Phong  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 23 tháng 03 năm 2020